

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

**For United States Senate**  
미국 상원 의원  
**Ứng cử vào Thượng Viện Hoa Kỳ**  
竞选联邦参议员  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Earl L. "Buddy" Carter   
Mike Collins   
John F. Coyne III   
Derek Dooley   
Jonathan "Jon" McColumn

**For Governor**  
주지사 선거  
**Ứng cử Thống Đốc**  
竞选州长  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Chris Carr   
Clark Dean   
Rick Jackson   
Burt Jones   
Gregg Kirkpatrick   
Brad Raffensperger   
Tom Williams   
Ken Yasger

**For Lieutenant Governor**  
부지사 선거  
**Ứng cử Phó Thống Đốc**  
竞选副州长  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

David Clark   
Greg Dolezal   
Steve Gooch   
John F. Kennedy   
Brenda Lynn Nelson-Porter   
Takosha Swan   
Blake Tillery

**For Secretary of State**  
주무장관 선거  
**Ứng cử Tổng Thư Ký Tiểu Bang**  
竞选州务卿  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Tim Fleming   
Vernon Jones   
Kelvin King   
Ted Metz   
Gabriel "Gabe" Sterling

**For Attorney General**  
법무장관 선거  
**Ứng cử Tổng Chương Lý**  
竞选司法部长  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Bill Cowsert   
Brian Strickland

**For Commissioner of Agriculture**  
농업부 장관  
**Ứng cử Ủy Viên Nông Nghiệp**  
竞选农业专员  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Tyler Harper (I)(T)

**For Commissioner of Insurance**  
보험감독관 선거  
**Ứng cử Ủy Viên Bảo Hiểm**  
竞选保险专员  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

John King (I)(T)

**For State School Superintendent**  
주 교육감 선거  
**Ứng cử Giám Đốc Sở Giáo Dục Tiểu Bang**  
竞选州教育总监  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Nelva Lee   
Fred "Bubba" Longgear   
Mesha Mainor   
Randell E. Trammell   
Richard Woods (I)(T)

**For Commissioner of Labor**  
노동부 장관 선거  
**Ứng cử Ủy Viên Lao Động**  
竞选劳工专员  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Bárbara Rivera Holmes (I)(T)

**For Public Service Commissioner District 3**  
공공서비스 위원회 제3지구  
**Ứng cử Ủy Viên Dịch Vụ Công Cộng Khu Vực Số 3**  
竞选公共服务专员第3选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Fitz Johnson   
Brandon Martin

**For Public Service Commissioner District 5**  
공공서비스 위원회 제5지구 위원 선거  
**Ứng cử Ủy Viên Dịch Vụ Công Cộng Khu Vực Số 5**  
竞选公共服务专员第5选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Bobby Mehan   
Carolyn Tatum Roddy   
Josh Tolbert

**For United States House of Representatives - District 4**  
미국 하원 제4선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Hạ Viện Hoa Kỳ - Khu Vực Số 4**  
竞选联邦众议员 - 第4选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Jim Duffie

**For United States House of Representatives - District 9**  
미국 하원 제9선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Hạ Viện Hoa Kỳ - Khu Vực Số 9**  
竞选联邦众议员 - 第9选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Andrew Clyde (I)(T)   
Sam Couvillon   
Gregg Poole

**For United States House of Representatives - District 10**  
미국 하원 제10선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Hạ Viện Hoa Kỳ - Khu Vực Số 10**  
竞选联邦众议员 - 第10选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Jeff Baker   
Houston Gaines   
Ryan Millsap

**For United States House of Representatives - District 13**  
미국 하원 제13선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Hạ Viện Hoa Kỳ - Khu Vực Số 13**  
竞选联邦众议员 - 第13选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Jonathan Chavez

**For State Senate - District 7**  
주 상원 제7선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang - Khu Vực Số 7**  
竞选州参议员 - 第7选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Aizaz Shahbaz Shaikh

**For State Senate - District 9**  
주 상원 제9선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang - Khu Vực Số 9**  
竞选州参议员 - 第9选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Michael Johnson

**For State Senate - District 40**  
주 상원 제40선거구 의원 선거  
**Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang - Khu Vực Số 40**  
竞选州参议员 - 第40选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Melina R. Mast

**For State Senate - District 45**  
주 상원 의원 - 제45선거구  
**Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang - Khu Vực Số 45**  
竞选州参议员 - 第45选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Clint Dixon (I)(T)

**For State Senate - District 46**  
주 상원 의원 - 제46선거구  
**Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang - Khu Vực Số 46**  
竞选州参议员 - 第46选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)

Michael Broun   
Doug McKillip   
Marc McMain

Abbreviation Definition / 약어 정의 / Định nghĩa từ viết tắt / 缩写定义:

(I)(T) = Incumbent / 현직 / đương nhiệm / 现任者  
Rep = Republican / 공화당 / Đảng Cộng hòa / 共和党人  
Dem = Democrat / 민주당 / Đảng Dân chủ / 民主党人

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

For State Senate – District 48  
주 상원 의원 – 제48선거구  
Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 48  
竞选州参议员 – 第 48 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Shawn Still (I)(T)

For State Senate – District 55  
주 상원 의원 – 제55선거구  
Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 55  
竞选州参议员 – 第 55 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Mary Williams Benefield

For State House of Representatives – District 30  
주 하원 의원 – 제30선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 30  
竞选州众议员 – 第 30 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Derrick McCollum (I)(T)

For State House of Representatives – District 48  
주 하원 의원 – 제48선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 48  
竞选州众议员 – 第 48 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Scott Hilton (I)(T)

For State House of Representatives – District 88  
주 하원 의원 – 제88선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 88  
竞选州众议员 – 第 88 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
William Park Freeman

For State House of Representatives – District 95  
주 하원 의원 – 제95선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 95  
竞选州众议员 – 第 95 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Reggie Hall

For State House of Representatives – District 97  
주 하원 의원 – 제97선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 97  
竞选州众议员 – 第 97 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Yassin Moghazy

For State House of Representatives – District 99  
주 하원 의원 – 제99선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 99  
竞选州众议员 – 第 99 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Matt Reeves (I)(T)

For State House of Representatives – District 100  
주 하원 의원 – 제100선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 100  
竞选州众议员 – 第 100 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Josh Clark   
Edwin Duncan

For State House of Representatives – District 103  
주 하원 의원 – 제103선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 103  
竞选州众议员 – 第 103 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Soo Hong (I)(T)

For State House of Representatives – District 104  
주 하원 의원 – 제104선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 104  
竞选州众议员 – 第 104 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Chuck Efstraction (I)(T)

For State House of Representatives – District 105  
주 하원 의원 – 제105선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 105  
竞选州众议员 – 第 105 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Sandy Donatucci (I)(T)

For State House of Representatives – District 107  
주 하원 의원 – 제107선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 107  
竞选州众议员 – 第 107 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Murray R. Berkowitz

For State House of Representatives – District 108  
주 하원 의원 – 제108선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 108  
竞选州众议员 – 第 108 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Elvia Davila

For State House of Representatives – District 110  
주 하원 의원 – 제110선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 110  
竞选州众议员 – 第 110 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Charles Lollar

For State House of Representatives – District 111  
주 하원 의원 – 제111선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 111  
竞选州众议员 – 第 111 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Reynaldo "Rey" Martinez (I)(T)

For State House of Representatives – District 112  
주 하원 의원 – 제112선거구  
Ứng cử vào Hạ Viện Tiểu Bang – Khu Vực Số 112  
竞选州众议员 – 第 112 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Bruce Williamson (I)(T)

For County Commission – District 2  
카운티 위원회 제2선거구 위원 선거  
Ứng cử vào Hội Đồng Quận – Khu Vực Số 2  
竞选县委员会 – 第 2 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Rodolfo Ochoa

For County Commission – District 4  
카운티 위원회 제4선거구 위원 선거  
Ứng cử vào Hội Đồng Quận – Khu Vực Số 4  
竞选县委员会 – 第 4 选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Arefeen Chowdhury   
Matthew Holtkamp (I)(T)

State Republican Party Questions / 주 공화당 관련 질문 / Câu Hỏi Của Đảng Cộng Hòa cấp Tiểu Bang / 州共和党问题

- 1 -

Should Georgia enact the strongest election integrity measures possible, which may include hand marked paper ballots, fines for counties that refuse to maintain current voter rolls, and restrictions on no-excuse absentee voting to restore trust in elections?

조지아주는 선거에 대한 신뢰를 회복하기 위해 수기로 기표하는 종이 투표용지, 최신 유권자 명부를 유지하지 않는 카운티에 대한 벌금 부과, 정당한 사유 없는 부재자 투표 제한 등을 포함한 가능한 가장 강력한 선거 공정성 확보 조치를 시행해야 할까요?

Liệu Tiểu Bang Georgia có nên ban hành các biện pháp mạnh nhất có thể nhằm đảm bảo tính toàn vẹn của cuộc bầu cử – bao gồm việc sử dụng phiếu bầu giấy được đánh dấu bằng tay, phạt tiền đối với các quận từ chối cập nhật danh sách cử tri hiện hành và hạn chế việc bỏ phiếu vắng mặt không cần lý do – nhằm khôi phục niềm tin vào các cuộc bầu cử?

佐治亚州是否应尽可能采取最严格的选举诚信措施, 其中可能包括手写标记的纸质选票、对拒绝维护当前选民名册的县处以罚款、以及对无理由的缺席投票加以限制, 以恢复民众对选举的信任?

Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

- 2 -

Should Georgia prohibit judges from releasing criminal defendants accused of murder and other felonies without posting secure bail?

조지아주는 판사가 살인 및 기타 중범죄 혐의로 기소된 피고인을 보석금 납부 없이 석방하는 것을 금지해야 할까요?

Liệu Tiểu Bang Georgia có nên cấm các thẩm phán thả tự do cho các bị cáo hình sự bị buộc tội giết người và các trọng tội khác mà không cần nộp tiền bảo lãnh?

佐治亚州是否应当禁止法官在未要求缴纳足额保释金的情况下, 释放被控谋杀及其他重罪的刑事被告

Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

Abbreviation Definition / 약어 정의 / Định nghĩa từ viết tắt / 缩写定义:

(I)(T) = Incumbent / 현직 / đương nhiệm / 现任者  
Rep = Republican / 공화당 / Đảng Cộng hòa / 共和党人  
Dem = Democrat / 민주당 / Đảng Dân chủ / 民主党人

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

-3-  
Should Georgia extend the death penalty to include sexual crimes against children?  
조지아주는 아동 성범죄에도 사형을 확대 적용해야 할까요?  
Liệu Tiểu Bang Georgia có nên mở rộng án tử hình để bao gồm các tội phạm tình dục đối với trẻ em không?  
佐治亚州是否应将死刑适用范围扩展到包括针对儿童的性犯罪?  
Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

-4-  
Should the United States Constitution be amended to limit the number of Supreme Court Justices to a maximum of nine to prevent partisan court packing schemes?  
미국 헌법을 개정하여 특정 정당에 의한 대법원 판사 증원 시도를 막기 위 대법관 수를 최대 9명으로 제한해야 할까요?  
Liệu Hiến Pháp Hoa Kỳ có nên được sửa đổi để giới hạn số lượng Thẩm Phán Tòa Án Tối Cao tối đa là chín người nhằm ngăn chặn các kế hoạch mở rộng số lượng thẩm phán vì mục đích đảng phái hay không?  
是否应修改《美国宪法》，将最高法院大法官人数限制为最多九名，以防止党派势力操纵法院?  
Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

-5-  
Should Georgia require public school systems to make all instructional materials and library content publicly accessible online for parental review?  
조지아주는 공립학교 시스템이 모든 교육 자료와 도서관 콘텐츠를 학부모가 열람할 수 있도록 온라인에 공개하도록 의무화해야 할까요?  
Liệu Tiểu Bang Georgia có nên yêu cầu các hệ thống trường công lập phải công khai trên mạng tất cả tài liệu giảng dạy và nội dung thư viện để phụ huynh xem xét không?  
佐治亚州是否应要求公立学校系统将所有教学材料和图书馆内容在线上公开，以供家长审查?  
Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

-6-  
Do you support making Georgia energy-independent by prioritizing American oil/gas production, reducing regulations, and delivering lower energy costs for families?  
미국산 석유/가스 생산을 우선시하고, 규제를 완화하며, 가정의 에너지 비용을 낮춤으로써 조지아주가 에너지 자립국이 되는 것을 지지하십니까?  
Quý vị có ủng hộ việc đưa Tiểu Bang Georgia trở thành Tiểu Bang tự chủ về năng lượng bằng cách ưu tiên sản xuất dầu/khí đốt của Hoa Kỳ, giảm bớt các quy định và mang lại chi phí năng lượng thấp hơn cho các gia đình không?  
您是否支持优先发展美国石油/天然气生产、减少监管以及为家庭降低能源成本，以此帮助佐治亚州实现能源独立?  
Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

-7-  
Do you support banning cellphone use in Georgia public schools to improve student focus, safety, and discipline?  
학생들의 집중력, 안전 및 규율 향상을 위해 조지아주 공립학교에서 휴대전화 사용을 금지하는 것을 지지하십니까?  
Quý vị có ủng hộ việc cấm sử dụng điện thoại di động trong các trường công lập ở Tiểu Bang Georgia để cải thiện sự tập trung, an toàn và kỷ luật của học sinh không?  
您是否支持在佐治亚州公立学校禁止使用手机，以提高学生的注意力、安全性和纪律性?  
Yes   
No

-8-  
Should Georgia enact laws punishing state and local law enforcement who refuse to cooperate with federal immigration authorities in the deportation of illegal aliens charged with serious crimes?  
조지아주는 중범죄로 기소된 불법 체류자의 추방에 있어 연방 이민 당국과의 협조를 거부하는 주 및 지방 법 집행관을 처벌하는 법률을 제정해야 할까요?  
Liệu Tiểu Bang Georgia có nên ban hành luật trừng phạt các cơ quan thực thi pháp luật tiểu bang và địa phương từ chối hợp tác với các cơ quan nhập cư liên bang trong việc trục xuất người nhập cư bất hợp pháp bị buộc tội phạm nghiêm trọng không?  
佐治亚州是否应制定法律，对拒绝配合联邦移民当局驱逐被控犯有严重罪行的非法移民的州及地方执法部门予以惩处?  
Yes   
No

Nonpartisan General Election / 무당파 총선거 / Bầu Cử Chung Phi Đảng Phái / 无党派大选

For Justice Supreme Court of Georgia  
조지아주 대법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Tối Cao Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州最高法院法官  
(To Succeed Charlie Bethel / Charlie Bethel의 후임 / Để kế nhiệm Charlie Bethel / 接替 Charlie Bethel)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Charles "Charlie" Bethel (I)(T)   
Miracle Rankin   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

For Justice Supreme Court of Georgia  
조지아주 대법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Tối Cao Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州最高法院法官  
(To Succeed Benjamin Land / 벤자민 랜 후임 / Để kế nhiệm Benjamin Land / 接替 Benjamin Land)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Ben Land (I)(T)   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

For Justice Supreme Court of Georgia  
조지아주 대법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Tối Cao Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州最高法院法官  
(To Succeed Sarah Hawkins Warren / Sarah Hawkins Warren의 후임 / Để kế nhiệm Sarah Hawkins Warren / 接替 Sarah Hawkins Warren)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Jen Auer Jordan   
Sarah Hawkins Warren (I)(T)   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

For Judge Court of Appeals of Georgia  
조지아주 항소법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Phúc Thẩm Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州上诉法院法官  
(To Succeed Trenton "Trent" Brown, III / Trenton "Trent" Brown, III의 후임자 선출 / Để kế nhiệm Trenton "Trent" Brown, III)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人 / 接替 Trenton "Trent" Brown, III)  
Trenton "Trent" Brown (I)(T)   
Will Wooten   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

For Judge Court of Appeals of Georgia  
조지아주 항소법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Phúc Thẩm Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州上诉法院法官  
(To Succeed Sara Doyle / Sara Doyle의 후임 / Để kế nhiệm Sara Doyle / 接替 Sara Doyle)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Sara Doyle (I)(T)   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

For Judge Court of Appeals of Georgia  
조지아주 항소법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Phúc Thẩm Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州上诉法院法官  
(To Succeed Elizabeth Dallas Gobeil / Elizabeth Dallas Gobeil의 후임 / Để kế nhiệm Elizabeth Dallas Gobeil / 接替 Elizabeth Dallas Gobeil)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Fatima Harris Felton   
Elizabeth D. Gobeil (I)(T)   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

For Judge Court of Appeals of Georgia  
조지아주 항소법원 판사  
Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Phúc Thẩm Tiểu Bang Georgia  
竞选佐治亚州上诉法院法官  
(To Succeed David Todd Markle / David Todd Markle의 후임 / Để kế nhiệm David Todd Markle / 接替 David Todd Markle)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
David Todd Markle (I)(T)   
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

Abbreviation Definition / 약어 정의 / Định nghĩa từ viết tắt / 缩写定义:  
(I)(T) = Incumbent / 현직 / đương nhiệm / 现任者  
Rep = Republican / 공화당 / Đảng Cộng hòa / 共和党人  
Dem = Democrat / 민주당 / Đảng Dân chủ / 民主党人

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

**For Judge Court of Appeals of Georgia**  
조지아주 항소법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Phúc Thẩm Tiểu Bang Georgia**  
竞选佐治亚州上诉法院法官  
(To Succeed J. Wade Padgett / J. 웨이드 패짓 (J. Wade Padgett)의 후임 / Để kế nhiệm J. Wade Padgett / 接替 J. Wade Padgett)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
J. Wade Padgett (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge Superior Court Gwinnett Judicial Circuit**  
귀넷 카운티 상급 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Thượng Thẩm - Khu vực Tư pháp Quận Gwinnett**  
竞选格威内特司法巡回区高等法院法官  
(To Succeed Tracey Mason / 트레이시 메이슨(Tracey Mason)의 후임 / Để kế nhiệm Tracey Mason / 接替 Tracey Mason)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Tracey D. Mason (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge Superior Court Gwinnett Judicial Circuit**  
귀넷 카운티 상급 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Thượng Thẩm - Khu vực Tư pháp Quận Gwinnett**  
竞选格威内特司法巡回区高等法院法官  
(To Succeed Tracie H. Cason / 트레이시 H. 케이션(Tracie H. Cason)의 후임 / Để kế nhiệm Tracie H. Cason / 接替 Tracie H. Cason)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Tracie H. Cason (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge Superior Court Gwinnett Judicial Circuit**  
귀넷 카운티 상급 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Thượng Thẩm - Khu vực Tư pháp Quận Gwinnett**  
竞选格威内特司法巡回区高等法院法官  
(To Succeed Angela D. Duncan / 앤젤라 D. 던컨(Angela D. Duncan)의 후임 / Để kế nhiệm Angela D. Duncan / 接替 Angela D. Duncan)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Angela D. Duncan (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge Superior Court Gwinnett Judicial Circuit**  
귀넷 카운티 상급 법원 판사  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Thượng Thẩm - Khu vực Tư pháp Quận Gwinnett**  
竞选格威内特司法巡回区高等法院法官  
(To Succeed R. Timothy Hamil / R. 티모시 하밀(R. Timothy Hamil)의 후임 / Để kế nhiệm R. Timothy Hamil / 接替 R. Timothy Hamil)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Tim Hamil (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge Superior Court Gwinnett Judicial Circuit**  
귀넷 카운티 상급 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Thượng Thẩm - Khu vực Tư pháp Quận Gwinnett**  
竞选格威内特司法巡回区高等法院法官  
(To Succeed George F. Hutchinson / 조지 F. 허친슨(George F. Hutchinson)의 후임 / Để kế nhiệm George F. Hutchinson / 接替 George F. Hutchinson)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
BT Gutter Parker   
Regina J. Matthews   
Ramona Toole   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge Superior Court Gwinnett Judicial Circuit**  
귀넷 카운티 상급 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Thượng Thẩm - Khu vực Tư pháp Quận Gwinnett**  
竞选格威内特司法巡回区高等法院法官  
(To Succeed Tracey Mason / 트레이시 메이슨(Tracey Mason)의 후임 / Để kế nhiệm Tracey Mason / 接替 Tracey Mason)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Tracey D. Mason (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge State Court of Gwinnett County**  
귀넷 카운티 주 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Tiểu Bang Quận Gwinnett**  
竞选格威内特县州法院法官  
(To Succeed / 후임 / Để kế nhiệm / 接替)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Erica K. Dove (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Judge State Court of Gwinnett County**  
귀넷 카운티 주 법원 판사 선거  
**Ứng cử Thẩm Phán Tòa Án Tiểu Bang Quận Gwinnett**  
竞选格威内特县州法院法官  
(To Succeed / 후임 / Để kế nhiệm / 接替)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Ronda S. Colvin (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Board of Education - District 2**  
교육위원회 위원 - 제2선거구 선거  
**Ứng cử vào Hội Đồng Giáo Dục - Khu Vực Số 2**  
竞选教育委员会 - 第2选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Chelsea Hutchings   
Steven B. Knudsen (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**For Board of Education - District 4**  
교육위원회 위원 - 제4선거구 선거  
**Ứng cử vào Hội Đồng Giáo Dục - Khu Vực Số 4**  
竞选教育委员会 - 第4选区  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Camille Christopher   
Adrienne Simmons (I)(T)   
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**Special Election / 특별선거 / Bầu Cử Đặc Biệt / 特别选举**

**For State Senate - District 7**  
주 상원의원 - 제7선거구 선거  
**Ứng cử vào Thượng Viện Tiểu Bang - Khu Vực Số 7**  
竞选州参议员 - 第7选区  
(To Fill the Unexpired Term of Nabilah Parkes, Resigned / 사임한 나빌라 파크스(Nabilah Parkes)의 잔여 임기 후임 / Để kế nhiệm phần nhiệm kỳ còn lại của bà Nabilah Parkes, người đã từ chức / 补任因 Nabilah Parkes 辞职而未届满的任期)  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
Astrid S. Ross   
Dem / Đảng Dân chủ / 民主党人  
Aizaz Shahbaz Shaikh   
Rep / Đảng Cộng hòa / 共和党人  
Adrienne White   
Dem / Đảng Dân chủ / 民主党人  
  
Write-in / 직접 기입 / Điền tên ứng cử viên / 自填候选人

**Homestead Exemption**  
주택 재산세 공제  
**Miễn Thuế Nhà Ở**  
住宅地稅豁免  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
"Shall the Act be approved which increases the homestead exemption from Gwinnett County school district ad valorem taxes for educational purposes in the amount of \$10,000 of the assessed value of the homestead for residents of that school district, which represents a \$2,000 increase in such exemption?"  
"귀넷 카운티 학군 주민의 주택 재산세 공제 한도를 교육 목적의 재산세에 대해 주택 평가액 기준 1만 달러로 확대(기존 대비 2,000달러 증가)하는 법안을 승인하시겠습니까?"  
"Có nên thông qua dự luật tăng mức miễn thuế nhà ở đối với thuế theo giá trị của học khu Quận Gwinnett cho mục đích giáo dục thêm 10.000 USD trên giá trị định giá của nhà ở dành cho cư dân của học khu đó, tương đương với mức tăng 2.000 USD so với mức miễn thuế hiện tại?"  
Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

**City of Lawrenceville Annexation**  
로렌스빌 시 편입  
**Sáp Nhập Thành Phố Lawrenceville**  
劳伦斯维尔市辖区合并  
(Vote for One / 1명에게 투표 / Hãy chọn Một người / 限投一位候选人)  
"Shall the Act which annexes certain land into the City of Lawrenceville be approved?"  
"로렌스빌 시에 특정 토지를 편입하는 법안을 승인하시겠습니까?"  
"Đạo luật sáp nhập một số khu đất vào Thành Phố Lawrenceville có nên được thông qua không?"  
"是否应批准将特定土地并入劳伦斯维尔市的法案?"  
Yes / 예 / Có / 是   
No / 아니요 / Không / 否

This Sample Ballot shows all possible Gwinnett County races./본 샘플 투표용지는 모든 귀넷 카운티 지역구 경선을 포함하고 있습니다.  
Lá phiếu mẫu này hiển thị tất cả các cuộc tranh cử có thể có của quận Gwinnett./本选票样本展示了 Gwinnett 县所有可能举行的竞选活动。

**Abbreviation Definition / 약어 정의 / Định nghĩa từ viết tắt / 缩写定义:**  
(I)(T) = Incumbent / 현직 / đương nhiệm / 现任者  
Rep = Republican / 공화당 / Đảng Cộng hòa / 共和党人  
Dem = Democrat / 민주당 / Đảng Dân chủ / 民主党人